

Số: 2053/QĐ-UBND

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Về ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp
và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 – 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra
lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 – 2022;
Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân thành phố Thủ Đức về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và
tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 – 2022.
Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố tại Tờ
trình số 870 /TTr-GDDT ngày 26 tháng 5 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức, các phòng, ban đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 34 phường và Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở GD&ĐT;
- TT TU TP Thủ Đức;
- TT HĐND-UBND;
- UBMTTQ và các Đoàn thể;
- Thành viên BCĐ tuyển sinh TP Thủ Đức;
- UBND 34 phường;
- Hiệu trưởng MN, TiH, THCS;
- Lưu: VT, PGDDT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Kỳ Phùng



Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH

Về huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn thành phố Thủ Đức năm học 2021 – 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2053 /QĐ-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức)

I. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Tuyên truyền những chủ trương tuyển sinh đầu cấp của Thành phố đến từng hộ dân trên địa bàn; đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân thành phố Thủ Đức, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân...

2. Thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với khả năng của bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của Thành phố.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp: tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm số học sinh/lớp; tăng số học sinh học 2 buổi/ngày. Đảm bảo 100% học sinh lớp 1, lớp 2 và khuyến khích học sinh lớp 6 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời xây dựng kế hoạch những năm tiếp theo cho các lớp còn lại cũng được học 2 buổi/ngày.

4. Tiếp tục phát triển các trường tiên tiến hội nhập theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục tổ chức dạy và học các môn Toán và Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam tại các trường tiểu học, trung học cơ sở.

5. Thực hiện đúng quy chế, hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

6. Nghiêm cấm các trường vận động, quỵên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

7. Đảm bảo thực hiện đúng các hướng dẫn an toàn phòng chống dịch bệnh khi tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh.

II. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non

1.1. Số liệu

Số trẻ 5 tuổi vào lớp Lá (*sinh năm 2016*): dự kiến **16.786 em**.

Phân tuyến và huy động 100% trẻ 5 tuổi cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức ra học lớp Lá (*đính kèm phụ lục 1*) và có kế hoạch đảm bảo cho trẻ 3 tuổi, 4 tuổi và trẻ độ tuổi nhà trẻ được đi học.

1.2. Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh trực tiếp

Ủy ban nhân dân 34 phường gửi Thông báo gọi nhập học đến từng hộ dân để phụ huynh đăng ký nhập học cho con em theo đúng quy định.

Các trường mẫu giáo, mầm non căn cứ phân tuyến của Ban chỉ đạo Tuyển sinh thành phố tổ chức tiếp nhận hồ sơ của trẻ. Khuyến khích các trường có điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên tổ chức nhận trẻ 6 -18 tháng tuổi.

Các trường ngoài công lập nhận trẻ 5 tuổi phải thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có phương án hỗ trợ đăng ký tuyển sinh lớp Lá trực tuyến, công khai, thông tin thành phần hồ sơ đăng ký nhập học, thủ tục nhập học công thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị giáo dục mầm non để đảm bảo công tác phòng chống dịch.

1.3. Thời gian tuyển sinh

Công tác tuyển sinh bắt đầu từ **ngày 01 tháng 7 năm 2021** và công bố kết quả đồng loạt vào **ngày 20 tháng 7 năm 2021**.

Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh, các đơn vị giáo dục mầm non có thể tổ chức cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian hè.

1.4. Tuyển sinh vào trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế

Tổ chức tuyển sinh tại trường mầm non Vành Khuyên 1: bổ sung lớp nhà trẻ (25 - 36 tháng): 25 trẻ; lớp Mầm: 15 trẻ; lớp Chồi: 17 trẻ và lớp Lá: 15 trẻ

Tuyển sinh theo nguyện vọng của phụ huynh, nhà trường lập danh sách gửi về Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố xét duyệt.

2. Tuyển sinh vào lớp 1 (*trẻ sinh năm 2015*)

2.1. Số liệu

Số liệu trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1: dự kiến **19.113 em**.

Phân tuyến và huy động 100% trẻ 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức vào lớp 1 (*đính kèm phụ lục 2*). Phân đầu thực hiện sĩ số học sinh trên lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Không nhận học sinh học sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài địa bàn thành phố Thủ Đức.

2.2. Phương thức tuyển sinh

+ **Tuyển sinh trực tiếp:** Phụ huynh căn cứ theo danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố *(niêm yết tại UBND phường, trường tiểu học)* để đăng ký nhập học cho con em đúng quy định.

+ **Tuyển sinh trực tuyến:** Hệ thống phần mềm tuyển sinh gửi tin báo đến điện thoại của phụ huynh cung cấp **mã hồ sơ và mã bảo mật**. Phụ huynh truy cập vào trang web **<http://tuyensinhthuduc.vn>** để nhập mã hồ sơ và mã bảo mật đăng ký nhập học cho con em.

Ủy ban nhân dân 34 phường gửi Thông báo gọi nhập học theo danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố đến từng hộ dân *(đính kèm hướng dẫn để phụ huynh truy cập vào phần mềm đăng ký trực tuyến)*.

Các trường tiểu học căn cứ danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh thành phố và hồ sơ thực tế của trẻ để tiếp nhận đăng ký nhập học đúng quy định; những trường hợp sai sót cần hướng dẫn phụ huynh liên hệ Phòng Giáo dục và Đào tạo *(bộ phận tiếp nhận và trả kết quả)* để điều chỉnh phân tuyến lại theo đúng quy định.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triển khai đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025. Tổ chức làm quen Tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của thành phố theo quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Thời gian tuyển sinh

Công tác tuyển sinh bắt đầu **từ ngày 01 tháng 7 năm 2021** và công bố kết quả đồng loạt vào **ngày 31 tháng 7 năm 2021**.

Thực hiện tuyển sinh lớp 1 theo từng đợt:

❖ **Đợt 1 từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến 15 tháng 7 năm 2021:** Tuyển sinh những trẻ đã được địa phương điều tra lập danh sách **trước ngày 25/4/2021** và có tên trong danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố.

❖ **Đợt 2 từ ngày 19 tháng 7 năm 2021 đến 30 tháng 7 năm 2021:** Tuyển sinh những trẻ được địa phương điều tra lập danh sách bổ sung từ **ngày 25/4/2021 đến ngày 30/6/2021**. Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố sẽ xem xét khả năng tiếp nhận của các trường để điều chỉnh phân tuyến cho phù hợp nhằm đảm bảo huy động 100% trẻ đều được đi học.

➤ *Những trường hợp chưa có tên trong danh sách phân tuyến tuyển sinh (cả 2 đợt), phụ huynh liên hệ trực tiếp UBND phường để lập danh sách và Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố sẽ xem xét giải quyết sau ngày 01/8/2021.*

2.4. Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường Tiếng Anh

Căn cứ vào nhu cầu của phụ huynh học sinh và điều kiện thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển sinh các lớp tăng cường Tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5. Tuyển sinh vào lớp 1 chương trình Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam (gọi tắt là Chương trình Tích hợp)

Các trường phải đảm bảo đủ chỗ học cho tất cả học sinh theo phân tuyến; đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp dạy chương trình Tích hợp theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức dạy chương trình Tích hợp cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp tục tổ chức dạy Chương trình Tích hợp cho học sinh lớp 1 tại các trường tiểu học: Nguyễn Hiền, Giồng Ông Tố, An Khánh, Nguyễn Văn Trỗi, Huỳnh Văn Ngõi, Lương Thế Vinh 1, Bình Trưng Đông, An Bình, Lê Văn Việt, Phước Bình, Đinh Tiên Hoàng, Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Minh Quang, Phạm Văn Chính, Trần Thị Bưởi, Lương Thế Vinh, Hoàng Diệu, Nguyễn Văn Triết.

2.6. Tuyển sinh lớp 1 trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế

- Tiểu học Linh Chiểu: tuyển sinh 5 lớp, ưu tiên nhận các trẻ thường trú trên địa bàn phường Linh Chiểu; nhà trường lập danh sách gửi về Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố xét duyệt.

- Tiểu học An Bình: tuyển sinh 7 lớp, theo nguyện vọng của phụ huynh, nhà trường lập danh sách gửi về Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố xét duyệt.

Kinh phí tham gia học tại trường thực hiện mô hình tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế không quá 1.500.000 đồng/tháng cho khoản thu thỏa thuận để đảm bảo các yêu cầu hoạt động.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

3.1. Số liệu:

Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: **12.781 học sinh.**

Phân tuyến và huy động 100% học sinh trong độ tuổi quy định, đang cư trú và đã hoàn thành chương trình Tiểu học ở các trường trên địa bàn thành phố Thủ Đức vào lớp 6. Phân đầu thực hiện sĩ số học sinh trên lớp theo quy định của Điều lệ trường THCS (đính kèm phụ lục 3).

3.2. Phương thức tuyển sinh

+ **Tuyển sinh trực tiếp:** Phụ huynh căn cứ theo danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố (*được niêm yết tại trường tiểu học*) đến trường trung học cơ sở để đăng ký nhập học cho con em theo quy định.

+ **Tuyển sinh trực tuyến:** Hệ thống phần mềm tuyển sinh gửi tin báo đến điện thoại của phụ huynh cung cấp **mã hồ sơ và mã bảo mật**. Phụ huynh truy cập vào trang web **<http://tuyensinhthuduc.vn>** để nhập mã hồ sơ và mã bảo mật đăng ký nhập học cho con em.

Các trường tiểu học căn cứ danh sách của Ban chỉ đạo tuyển sinh thành phố để **chuyển hồ sơ học sinh lớp 5 sang trường trung học cơ sở**. Đối với học sinh ngoài tuyến (*học sinh có địa chỉ cư ngụ ngoài thành phố Thủ Đức không có tên trong danh sách phân tuyến do UBND thành phố Thủ Đức quy định*) nhà trường gửi trả hồ sơ để phụ huynh về nơi cư trú liên hệ nộp hồ sơ nhập học cho con em.

Các trường trung học cơ sở căn cứ danh sách của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhập học của học sinh (*trực tiếp hoặc trực tuyến*) đúng quy định. Những trường hợp sai sót cần hướng dẫn phụ huynh liên hệ Phòng Giáo dục và Đào tạo (**bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**) để điều chỉnh phân tuyến lại theo đúng quy định.

3.3. Thời gian tuyển sinh

Công tác tuyển sinh bắt đầu **từ ngày 15 tháng 6 năm 2021** và công bố kết quả đồng loạt vào **ngày 15 tháng 7 năm 2021**.

Thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo từng đợt:

❖ **Đợt 1 từ ngày 15 tháng 6 năm 2021 đến 30 tháng 6 năm 2021:** tiếp nhận hồ sơ học sinh trong danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố.

❖ **Đợt 2 từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến 14 tháng 7 năm 2021:** Tuyển sinh học sinh cư ngụ trên địa bàn thành phố Thủ Đức nhưng hoàn thành chương trình Tiểu học ở các trường ngoài địa bàn thành phố Thủ Đức nay có nhu cầu đăng ký nhập học, Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố xem xét khả năng tiếp nhận của các trường để xét duyệt nhằm đảm bảo 100% học sinh đều được đi học.

3.4. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường tiếng Anh

Các trường Trung học cơ sở tiếp nhận học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đã học chương trình tiếng Anh tăng cường có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6.0 điểm trở lên hoặc chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 hoặc chứng chỉ đạt trình độ A2 trở lên theo khung CEFR hoặc chứng chỉ Cambridge Flyer đạt từ 10/15 khiên trở lên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt từ 3/5 huy hiệu trở lên hoặc cấp độ Quickmarch của PTE Young Learners đạt Pass từ 3/5 sao trở lên hoặc là học sinh học Chương trình Tiếng Anh tích hợp cấp tiểu học có điểm trung bình môn tiếng Anh tích hợp lớp 5 từ 6.0 trở lên.

3.5. Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam(gọi tắt là Chương trình Tích hợp):

Các trường phải đảm bảo đủ chỗ học cho tất cả học sinh theo phân tuyến; đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp dạy chương trình Tích hợp theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục tổ chức dạy Chương trình Tích hợp cho học sinh lớp 6 tại các trường Trung học cơ sở: Trần Quốc Toàn 1, Lương Định Của, An Phú, Hoa Lư, Phước Bình, Trần Quốc Toàn, Hiệp Phú, Bình Thọ, Linh Trung.

Đối tượng tuyển sinh:

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo Chương trình Tiếng Anh tích hợp.

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ năng lực tiếng Anh thỏa một trong các điều kiện sau đây:

* Theo hệ thống Pearson English: học sinh phải có chứng chỉ PTE cấp độ Quickmarch (Pass - số sao tối thiểu 3/5 sao).

* Theo hệ thống Cambridge English: học sinh phải có chứng chỉ Flyers (số khiên tối thiểu 10/15 khiên).

* Theo hệ thống ETS: học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/4 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges).

* Học sinh phải được đánh giá đạt bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

3.6. Tuyển sinh lớp 6 chương trình dạy học tiếng Hàn (ngoại ngữ 2)

Tiếp tục tổ chức chương trình dạy học tiếng Hàn cho học sinh lớp 6 tại các trường Trung học cơ sở: Hoa Lư và Bình Thọ theo quy định tại Công văn số 1949/KH-GDĐT-TrH ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch triển khai thí điểm dạy học tiếng Hàn đối với giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2023.

Việc tuyển sinh lớp 6 tiếng Hàn được thực hiện trong số học sinh được phân tuyến của trường và thỏa thuận với phụ huynh thực hiện thu học phí theo quy định.

3.7. Tuyển sinh lớp 6 trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế

Thực hiện tại Trường THCS Trần Quốc Toàn 1 dự kiến nhận 7 lớp, đảm bảo sĩ số học sinh/lớp. Kinh phí tham gia học tại trường thực hiện mô hình tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế không quá 1.500.000 đồng/tháng cho khoản thu thỏa thuận để đảm bảo các yêu cầu hoạt động.

Tuyển sinh theo nguyện vọng của phụ huynh, ưu tiên theo tình trạng cư trú, thành tích và kết quả học tập, rèn luyện, kỹ năng, ngoại ngữ, năng khiếu bậc tiểu học, hoàn cảnh gia đình... kết hợp với khảo sát năng lực học sinh (nếu cần).

Phụ huynh có nhu cầu, chuẩn bị hồ sơ minh chứng liên quan nộp tại trường được phân tuyển theo đúng thời hạn tuyển sinh (đã nêu trên) để Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố sẽ có kế hoạch và phương pháp xét tuyển

Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ năng lực tiếng Anh theo quy định trình độ thỏa một trong các điều kiện sau đây:

+ Theo hệ thống Pearson English: học sinh phải có chứng chỉ PTE cấp độ Quickmarch (Pass-số sao tối thiểu 4/5 sao).

+ Theo hệ thống Cambridge English: học sinh phải có chứng chỉ Flyers (số khiên tối thiểu 12/15 khiên).

* Theo hệ thống ETS: học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/4 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges).

4. Tuyển sinh vào lớp 10 và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở

4.1. Tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông

Số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: **11.855 học sinh.**

Số học sinh đăng ký dự thi kỳ thi Tuyển sinh lớp 10 THPT: **10.302 học sinh.**

Các trường trung học cơ sở hướng dẫn học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đăng ký dự thi tuyển vào lớp 10 theo kế hoạch tuyển sinh của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: Thực hiện theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Môn thi: Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ.

- Thời gian thi: Theo thông báo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Tuyển sinh vào trung cấp, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên:

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở nhưng không đăng ký dự thi hoặc học sinh không trúng tuyển vào lớp 10 công lập có thể đăng ký xét tuyển vào các trường Cao đẳng, Trung cấp; Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên, trường ngoài công lập để tiếp tục đi học.

5. Tiến độ báo cáo: (thực hiện theo mẫu)

5.1. Kết quả tuyển sinh lớp Lá: ngày 21 tháng 7 năm 2021.

5.2. Kết quả tuyển sinh lớp 1

- Đợt 1: ngày 17 tháng 7 năm 2021.
- Đợt 2: ngày 03 tháng 8 năm 2021.

5.3. Kết quả tuyển sinh lớp 6

- Đợt 1: ngày 01 tháng 7 năm 2021.
- Đợt 2: ngày 16 tháng 7 năm 2021.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, các trường nộp file báo cáo tổng kết tuyển sinh và danh sách học sinh lớp Lá, lớp 1 và lớp 6 về phòng Giáo dục và Đào tạo qua địa chỉ email pgddt.tpthuduc@tphcm.gov.vn

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức năm học 2021 - 2022 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố) và Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022.

Triển khai Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp; phổ biến đến Thủ trưởng các đơn vị giáo dục trên địa bàn thành phố có tuyển sinh để có kế hoạch thực hiện.

Chỉ đạo các đơn vị giáo dục xây dựng kế hoạch tuyển sinh; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác tuyển sinh đúng quy định; kiến nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong công tác tuyển sinh.

Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền về kế hoạch và chủ trương tuyển sinh vào các lớp đầu cấp.

Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả tuyển sinh cho Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức theo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân 34 phường

Điều tra chính xác và chịu trách nhiệm về số trẻ ở từng độ tuổi đi học trên địa bàn phường; lập danh sách, huy động trẻ để đảm bảo tất cả trẻ đều được đến trường.

Thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh của phường; xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp; in và gửi giấy báo gọi nhập học đến từng hộ dân để thực hiện công tác huy động trẻ.

Tổ chức tuyên truyền, thông báo kế hoạch tuyển sinh đầu cấp cho nhân dân trong phường được biết bằng nhiều hình thức phù hợp, vận động phụ huynh đăng ký nhập học cho con em đúng thời gian và đúng theo phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh Thành phố.

Báo cáo tình hình và kết quả tuyển sinh về Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo).

3. Các đơn vị giáo dục

Thành lập Hội đồng tuyển sinh; Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đúng theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; Phân công thành viên trong Hội đồng tuyển sinh nắm vững về nguyên tắc, phương thức tuyển sinh để thực hiện công tác tuyển sinh và chủ động hướng dẫn cha mẹ học sinh tìm hiểu các chương trình, loại hình học tập để đăng ký nguyện vọng phù hợp.

Thường xuyên theo dõi, trích xuất danh sách và báo cáo kết quả tuyển sinh theo quy định; rà soát những trường hợp chưa đăng ký nhập học để phối hợp giáo viên chuyên trách giáo dục phường kịp thời xác minh.

Chủ động sắp xếp cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên chuẩn bị cho năm học 2021-2022; Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh cần liên hệ với Ban chỉ đạo tuyển sinh thành phố (*thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo*) để xin ý kiến giải quyết kịp thời.

4. Các ban ngành, đoàn thể thành phố Thủ Đức

4.1. Công an thành phố Thủ Đức

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân 34 phường trong việc điều tra, lập danh sách, huy động trẻ trên địa bàn ra lớp. Thực hiện việc cấp và xác nhận tạm trú đúng quy định.

4.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về kế hoạch triển khai thực hiện các Dự án xây dựng, nâng cấp sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất và các phương tiện dạy và học cho các đơn vị giáo dục công lập, đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho năm học mới.

4.3. Phòng Văn hóa và Thông tin

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về công tác huy động trẻ ra lớp, đặc biệt là công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp bằng nhiều nội dung, hình thức khác nhau.

4.4. Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội

Tăng cường công tác truyền thông về bảo vệ quyền trẻ em; giám sát việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và học sinh; kịp thời giải quyết các chế độ chính sách, chăm lo cho các em học sinh thuộc gia đình chính sách, gia đình nghèo, hoàn cảnh khó khăn theo quy định.

4.5. Ban Quản lý dự án và Đầu tư xây dựng khu vực thành phố Thủ Đức

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây trường học; sửa chữa, xây bổ sung phòng học, phòng chức năng,... để đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất cho năm học mới.

4.6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành phố Thủ Đức

Tuyên truyền, hỗ trợ ngành Giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân 34 phường vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác huy động trẻ ra lớp.

Thực hiện vai trò giám sát để phản ánh kịp thời cho Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố các vấn đề cần quan tâm giải quyết để công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp đạt hiệu quả cao nhất.

Trên đây là Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn thành phố Thủ Đức năm học 2021 - 2022, đề nghị Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức, phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân 34 phường, Thủ trưởng các đơn vị giáo dục, các Ban ngành đoàn thể trực thuộc thành phố Thủ Đức tổ chức triển khai thực hiện./.

BAN CHỈ ĐẠO TUYỂN SINH THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC



BẢNG PHÂN TUYỂN HỌC SINH LỚP LÁ

(kèm theo Quyết định số 2053/QĐ-UBND, ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Thủ Đức)

Năm học 2021 - 2022

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyển tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
1	Bình An	CL	An Khánh	Trên địa bàn phường	3	105	417
2	Trẻ Em Sài Gòn	NCL			1	26	
3	Tuổi Thơ	NCL			1	26	
4	Đông Sài Gòn	NCL			1	26	
5	Tuệ Đức	NCL			1	26	
6	ABC	NCL			1	26	
7	Viên Ngọc sáng	NCL			1	26	
8	Yêu Con	NCL			1	26	
9	Mặt Trời Nhỏ	NCL			1	26	
10	Vịt Con	NCL			1	26	
11	Chuồn Chuồn Kim	NCL			1	26	
12	Vương Quốc Kiko	NCL			1	26	
13	Ánh Dương	NCL			1	26	
14	19/5	CL	An Phú	Trên địa bàn phường	3	105	715
15	Họa Mi	CL			3	105	
16	Vườn Hồng	CL			4	140	
17	An Phú	CL			2	70	
18	An Bình	CL			2	70	
19	Nam Rạch Chiếc	CL			1	35	
20	Khôi Nguyên	NCL			1	10	
21	Chuột Túi Thông Minh	NCL			1	10	
22	Nui Cười Hồng	NCL			1	10	
23	Chú Ong Vui Vẻ	NCL			1	10	
24	Bé Yêu	NCL			1	10	
25	Ngôi Nhà Trẻ Thơ	NCL			1	10	
26	Bầu Trời Xanh	NCL			1	10	
27	Bồ Công Anh	NCL			1	10	
28	Nhà Bé Vui	NCL			1	10	
29	Tre Xanh	NCL			1	10	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
30	Cỏ Ba Lá	NCL			1	10	
31	Bé Ong Sài Gòn	NCL			1	10	
32	Ngôi Nhà Vui Nhộn	NCL			1	10	
33	Thiên Thần Nhỏ	NCL			1	10	
34	Hướng Dương Vàng	NCL			1	10	
35	Ngôi Nhà Nhỏ	NCL			1	10	
36	Ngôi Sao Tuổi Thơ	NCL			1	10	
37	Bạch Hân	NCL			1	10	
38	Con Đường Tuệ đức	NCL			1	10	
39	Thảo Điền	CL	Thảo Điền	Trên địa bàn phường	2	70	410
40	Montestori	NCL			1	20	
41	Miền Trẻ Thơ	NCL			1	20	
42	Chân Xinh	NCL			1	20	
43	Ngôi Sao	NCL			1	20	
44	Mn Hùng Đông	NCL			1	20	
45	Hoa Diên Vĩ	NCL			1	20	
46	Tuổi Thơ Kỳ Diệu	NCL			1	20	
47	Đông Bắc	NCL			1	20	
48	Thành Phố Tuổi Thơ	NCL			1	20	
49	Thiên Nhiên	NCL			1	20	
50	Nhóc Trùm	NCL			1	20	
51	Hành Tinh Trẻ	NCL			1	20	
52	Tài Năng Tuổi Thơ	NCL			1	20	
53	Chân Trời Trẻ Thơ	NCL			1	20	
54	Bước Chân Tuổi Thơ	NCL			1	20	
55	Quốc Tế Xanh Bi	NCL			1	20	
56	Lâm An	NCL			1	20	
57	Bình Trưng Đông	CL	Bình Trưng Đông	Trên địa bàn phường	3	105	622
58	Sen Hồng	CL			3	105	
59	Bình Minh	NCL			4	140	
60	Tân Đông	NCL			1	34	
61	Ánh Cầu Vồng	NCL			1	34	
62	Thần Đồng	NCL			1	34	
63	Én Nhỏ	NCL			1	34	
64	Nụ Cười Xinh	NCL			1	34	
65	Vườn Trẻ Thơ	NCL			1	34	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
66	Hướng Dương Sài Gòn	NCL	Bình Trưng Tây	Trên địa bàn phường	1	34	375
67	Kiến Tạo	NCL			1	34	
68	Măng Non	CL			3	105	
69	Vành Khuyên	CL			2	90	
70	Việt Mỹ Sài Gòn	NCL			1	20	
71	Thiên Ân	NCL			1	20	
72	Hoa Anh Đào	NCL			1	20	
73	Úc Châu	NCL			1	20	
74	Hoa Hướng Dương	NCL			1	20	
75	Nhà của Bé	NCL			1	20	
76	Thành Phố Tuổi Hoa	NCL			1	20	
77	Chào Bạn Nhỏ	NCL			1	20	
78	Vương Quốc Tí Hon	NCL			1	20	
79	Cát Lái	CL	Cát Lái	Trên địa bàn phường	3	105	305
80	Sơn Ca	CL			4	140	
81	Sao Việt	NCL			1	10	
82	Mỹ Đức (22534515)	NCL			1	10	
83	Mặt Trời Hồng	NCL			1	10	
84	Hạt Đậu Nhỏ	NCL			1	10	
85	MG 1/6	NCL			1	10	
86	Trẻ Em Alpha	NCL			1	10	
87	Thạnh Mỹ Lợi	CL	Thạnh Mỹ Lợi	Trên địa bàn phường	3	105	300
88	Hoa Hồng	CL			2	70	
89	Hoa Sen	CL			1	35	
90	Thái Bình	NCL			1	10	
91	Bàn Tay Thiên Thần	NCL			1	10	
92	Vùng Đất Tuổi Thơ	NCL			1	10	
93	Victoria (An Nhiên)	NCL			1	10	
94	Global EcoKids	NCL			1	10	
95	Cỏ Non	NCL			1	30	
96	Việt Úc	NCL			1	10	
97	Hiệp Phú	CL	Hiệp Phú	Khu phố 1 và 2	3	90	
98	Rồng Vàng	NCL			2	60	
99	Việt Duy	NCL			1	30	
100	Sao Mai (cơ sở 2)	NCL			2	60	
101	ABC	NCL			2	60	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
102	Tuổi Ngọc	CL		Khu phố 3 và 4	4	120	
103	Sao Mai (cơ sở 1)	NCL			1	30	
104	Vàng Anh	CL		Khu phố 5 và 6	2	70	
105	Sơn Ca 2	CL	Long Thạnh Mỹ	Khu phố Giã Dân + Chân Phúc Cẩm + Mỹ Thành	4	120	
106	Long Thạnh Mỹ	CL		Khu phố 1 + Gò Công và Long Hòa	3	90	
107	Nai Vàng	NCL			2	70	
108	Thiện Mỹ	NCL			1	30	
109	Hoa Thương	NCL			4	120	
110	Long Phước	CL	Long Phước	Trên địa bàn phường	4	120	
111	Long Bình	CL	Long Bình	Khu phố Phước Thiện + Long Bửu + Bến Đò	5	150	
112	Long Sơn	CL		Khu phố Long Sơn + C.Ông Tán, Thái Bình 1 + Thái Bình 2	1	30	
113	Tạ Uyên	CL		Khu phố Vĩnh Thuận và Giã Dân	2	25	
114	Thanh Lịch	NCL			2	70	
115	Long Trường	CL	Long Trường	Khu phố Ông Nhiêu + Phước Lai + Trường Lưu và Tam Đa	6	210	
			Trường Thạnh	Khu phố Phước Lai			
116	Tuổi Thơ	CL	Phú Hữu	Trên địa bàn phường	3	90	
117	Hoàng Lê	NCL			1	30	
118	Con Mèo Vàng	NCL			1	30	
119	Cocoon Kén Nhỏ	NCL			1	30	
120	Bầu Trời Xanh	NCL			1	30	
121	Miền Trẻ Thơ	NCL			2	60	
122	Hoa Sen	CL	Phước Long A	Trên địa bàn phường	3	105	
123	Thỏ Ngọc	NCL			2	60	
124	Hoa Mai	NCL			3	90	
125	Ngô Thời Nhiệm	NCL			3	90	
126	Vương Quốc Tí Hon	NCL			1	30	
127	Kiều Đàm	NCL			2	60	
128	Thiên Ân Phúc 3	NCL			1	30	
129	Hoa Lan	CL			5	150	
130	Hoa Hồng Đỏ	NCL			5	150	
131	Bình Minh	NCL			4	120	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
132	Á Châu	NCL	Phước Long B	Trên địa bàn phường	3	90	
133	Thăng Long A	NCL			1	30	
134	Kim Đồng	NCL			1	30	
135	Thiên Ân Phúc 4	NCL			2	60	
136	Tuệ Đức	NCL			2	60	
137	Hoa Thiên Vỹ	NCL			1	30	
138	Thiên Phúc	NCL			1	30	
139	Diệu Kỳ	NCL			1	30	
140	Mặt Trời Á Châu	NCL			1	30	
141	Phước Bình	CL	Phước Bình	Trên địa bàn Phường	6	270	
142	Sóc Nâu	NCL			2	60	
143	Tuổi Hồng	CL	Tăng Nhơn Phú A	Khu phố 1 và 6	2	70	
144	Hoàng Yến 2	CL		Khu phố 2 +3 + 4 +5 và 7	3	90	
145	Cậu Bé Gỗ	NCL			1	30	
146	Ban Mai	NCL			1	30	
147	Phong Phú	CL	Tăng Nhơn Phú B	Trên địa bàn Phường	4	120	
148	Sao Sáng	NCL			2	60	
149	Song Như	NCL			1	30	
150	Thiên Ân Phúc 5	NCL			1	30	
151	Mẹ Yêu Con	NCL			2	60	
152	Trường Thạnh	CL	Trường Thạnh-Long Trường	Cả phường Trường Thạnh (trừ kp Phước Lai) và Khu phố Phước Hiệp phường Long Trường	5	150	
153	Hồ Ngọc Cẩn	NCL			1	30	
154	Ngôi Sao	NCL			1	30	
155	Tuổi Hoa	CL	Tân Phú	Khu phố 1 và 2	2	70	
156	Minh Ngọc	NCL			1	30	
157	Tân Phú	CL		Khu phố 3, 4, 5 và 6	3	90	
158	Mai Hoa	NCL			5	160	
159	Công Nghệ Cao	NCL			1	30	
160	Hoàng Kim	NCL			1	30	
161	Hoa Trà My	NCL			1	30	
162	Bình Thọ	CL			3	110	
163	Sao Vàng	CL			2	67	
164	Vành Khuyên 3	CL			4	150	
165	Hoa Mặt Trời	NCL			1	16	
166	Cánh Thiên Thân	NCL			1	15	
167	Hồng Ân	NCL			5	180	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
168	Mai Anh	NCL	Bình Thọ	Trên địa bàn Phường	7	250	
169	Thủ Đức	NCL			5	168	
170	Việt Mỹ	NCL			1	23	
171	Học Viện Hoa Kỳ	NCL			1	12	
172	Thành Phố Tuổi Thơ	NCL			1	18	
173	Tuệ Đức	NCL			1	23	
174	LMG Đại Việt Mỹ	NCL			1	15	
175	Trường Thọ	CL	Trường Thọ	Trên địa bàn Phường	2	60	
176	Hoa Ngọc Lan	NCL			2	55	
177	Bến Thành	NCL			1	23	
178	Gấu Trúc	NCL			1	24	
179	Cơ sở Thí điểm giữ trẻ	NCL			1	25	
180	Vàng Anh	NCL			2	30	
181	Tâm Nhi	NCL			1	13	
182	Lá Phong Việt	NCL			1	13	
183	Tam Phú	CL	Tam Phú	Trên địa bàn Phường	4	150	
184	Khai Tâm	NCL			1	30	
185	Linh Ân	NCL			3	105	
186	Thanh Thúy	NCL			1	11	
187	Mặt Trời	NCL			1	20	
188	Tam Bình	CL	Tam Bình	Trên địa bàn Phường	3	110	
189	Hoàng Anh	NCL			3	110	
190	Việt Anh	NCL			2	44	
191	Ngọc Lan	NCL			2	47	
192	Nhân Ái	NCL			2	64	
193	Gia Huy	NCL			3	90	
194	Ngôi Nhà Xanh	NCL			1	20	
195	Linh Tây	CL	Linh Tây	Trên địa bàn Phường	3	110	
196	Sao Mai	CL			2	64	
197	Thiên Ca	NCL			2	44	
198	Sen Hồng 3	CL	Linh Trung	Trên địa bàn Phường	2	70	
199	Hoàng Yến 3	CL			4	140	
200	Linh Trung	CL			2	70	
201	20/11	NCL			1	30	
202	Bông Sen	NCL			2	65	
203	Hạnh Phúc	NCL			4	120	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
204	Hoàng Ngọc	NCL			1	25	
205	Kiều Mẫu	NCL			2	64	
206	Ngôi Sao Sáng	NCL			1	24	
207	Thỏ Trắng	NCL			1	40	
208	Việt Mỹ Sài Gòn	NCL			1	20	
209	Hoa Đào	CL	Linh Xuân	Trên địa bàn Phường	4	150	
210	Linh Xuân	CL			4	140	
211	Thỏ Ngọc	CL			3	80	
212	Hoa Phượng	NCL			4	150	
213	Hoa Lan	NCL			1	25	
214	Bồ Công Anh	NCL			2	70	
215	Bích Trâm	NCL			2	70	
216	Vàng Dương	NCL			3	110	
217	Tuổi Tiên	NCL			2	45	
218	Mai An	NCL			1	35	
219	Bi Bi	NCL			2	48	
220	Sắc Màu Tuổi Thơ	NCL			2	50	
221	Ánh Hồng	NCL			4	140	
222	Hương Sen	CL			4	140	
223	Bông Sen Xanh	NCL	Linh Đông	Trên địa bàn Phường	2	46	
224	Nhật Tân	NCL			3	83	
225	Vườn Tuổi Thơ	NCL			1	20	
226	Ngôi Nhà Hạnh Phúc	NCL			2	46	
227	Trình Vương	NCL			5	156	
228	Mây Hồng	NCL			3	50	
229	Hoa Diên Vĩ	NCL			1	12	
230	Linh Chiêu	CL			3	110	
231	Thanh Tâm	NCL	Linh Chiêu	Trên địa bàn Phường	6	210	
232	An Bình	NCL			1	30	
233	Hoa Xuân	NCL			1	30	
234	Học Viện Sài Gòn	NCL			3	68	
235	Bách Việt	NCL			1	25	
236	Bình Chiêu	CL			3	110	
237	Hoa Mai	CL			4	140	
238	Họa Mi 3	CL			3	90	
239	Mai Tâm	NCL			4	140	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
240	Mai Khôi	NCL	Bình Chiểu	Trên địa bàn Phường	2	70	
241	Hoa Cúc	NCL			1	35	
242	Hoa Sen	NCL			1	35	
243	Hương Nắng Hồng	NCL			2	70	
244	Hương Lan	NCL			1	35	
245	Khiết Tâm	NCL			3	110	
246	Mai Vàng	NCL			1	30	
247	Mặt Trời Đỏ	NCL			2	56	
248	Thanh Bình	NCL			2	72	
249	Trúc Xanh	NCL			1	33	
250	Hoa Bình Minh	NCL			1	28	
251	Hoa Hồng 3	CL		Khu phố 4, 5 và 6	3	114	
252	Hiệp Bình Phước	CL		Trên địa bàn Phường	2	70	
253	Ánh Dương	NCL			1	35	
254	Bầu Trời Xanh	NCL			3	86	
255	Búp Sen Hồng	NCL			1	35	
256	Đông Dương	NCL			3	110	
257	Hải Âu	NCL			1	34	
258	Hoa Hồng Nhỏ	NCL			1	28	
259	Hương Dương	NCL			4	150	
260	Hoa Quỳnh	NCL			1	27	
261	Măng Non	NCL			2	74	
262	Sao Vui	NCL			1	35	
263	Thần đồng	NCL			1	32	
264	Tuổi Ngọc	NCL			1	35	
265	Mai Ka	NCL			1	25	
266	Mặt Trời Nhỏ	NCL			1	10	
267	Ngôi Nhà Hugo	NCL			2	44	
268	Hiệp Bình Chánh 1	CL		Khu phố 1 và 2	2	55	
269	Hiệp Bình Chánh 2	CL		Khu phố 3, 4, 5	2	70	
270	Hiệp Bình Chánh 3	CL		Khu phố 5 và 9	2	70	
271	Sơn Ca 3	CL		Khu phố 6, 7, 8	4	150	
272	An Lộc	NCL			2	50	
273	Bé Xinh	NCL			1	30	
274	Bi Rong Sài Gòn	NCL			1	20	
275	Hải Yến	NCL			1	35	

STT	Tên trường MG-MN		Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2016)				Ghi chú
			Phường	Khu phố	Số lớp	Số trẻ	
276	Hạnh Mai	NCL	Hiệp Bình Chánh	Trên địa bàn Phường	2	70	
277	Hiếu Trung	NCL			4	140	
278	Huệ Trắng	NCL			3	110	
279	Hương Dương Vàng	NCL			1	30	
280	Khánh Hỷ	NCL			1	35	
281	Mặt Trời Hồng	NCL			1	35	
282	Mỹ An	NCL			1	33	
283	Sài Gòn	NCL			1	23	
284	Sao Ngao	NCL			1	25	
285	Thiên Thần Nhỏ	NCL			1	25	
286	Thiên Ân	NCL			3	75	
287	Sông Xanh	NCL			1	35	
288	Thế Giới Trẻ Em	NCL			2	29	
289	Việt Đông Dương	NCL			3	76	
290	Hải Hà	NCL			1	22	
291	Mặt Trời Bé Con	NCL			1	15	
292	Thế Giới Xanh	NCL			1	18	
Toàn Thành phố					545	16786	



BẢNG PHÂN TUYỂN HỌC SINH LỚP 1

(kèm theo Quyết định số **2053** /QĐ-UBND, ngày **31/5/2021** của UBND thành phố Thủ Đức)

Năm học 2021 - 2022

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyển địa bàn tuyển sinh		Phân tuyển Lớp 1 NH 2021-2022				Số lớp	SS HS/ lớp	Ghi chú
				Số trẻ						
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	An Bình	An Phú						7	30	Có tổ chức lớp tích hợp
2	An Khánh	An Lợi Đông			3	3	249	6	42	Có tổ chức lớp tích hợp
		Thủ Thiêm		4	0	4				
		An Khánh	Thường trú KP 1,2,3,4,5	143	0	143				
		An Khánh	Cư ngụ Kp5+6+7	23	76	99				
3	An Phú	An Phú	Cư ngụ Kp1+2+3	97	88	185	185	4	46	
4	Nguyễn Hiền	An Phú	Thường trú KP 5	175	0	175	175	4	44	Có tổ chức lớp tích hợp
5	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Đông	Tạm trú Kp2	0	25	25	355	8	44	Có tổ chức lớp tích hợp
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP4	82	61	143				
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP5	121	66	187				
6	Nguyễn Văn Trỗi	Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP1	72	31	103	341	7	49	Có tổ chức lớp tích hợp
		Bình Trưng Đông	Thường trú KP2	43	0	43				
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP3	132	63	195				
7	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Cư ngụ Kp1+2+4+5	223	101	324	443	10	44	Có tổ chức

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022					Ghi chú	
				Số trẻ			Số lớp	SS HS/ lớp		
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Thường trú KP3,6	119	0	119				<i>lớp tích hợp</i>
8	Huỳnh Văn Ngôi	Thảo Điền	Cư ngụ KP4+5	43	43	86	246	5	49	<i>Có tổ chức lớp tích hợp</i>
		Thảo Điền	Thường trú Kp6	29	0	29				
		An Khánh	Tạm trú Kp 1+2+3+4	0	131	131				
9	Lương Thế Vinh 2	Thạnh Mỹ Lợi	Thường Kp1+4+5	150	0	150	327	7	47	<i>Có tổ chức lớp tích hợp</i>
		Thạnh Mỹ Lợi	Tạm trú Kp1+2+5	0	117	117				
		Bình Trưng Tây	Tạm trú KP3;6	0	60	60				
10	Thạnh Mỹ Lợi	Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ Kp2	60	45	105	275	6	46	
		Cát Lái	Cư ngụ Kp1+2	107	63	170				
11	Mỹ Thủy	Cát Lái	Cư ngụ Kp3	66	77	143	195	5	39	
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ Kp3	28	22	50				
		Thạnh Mỹ Lợi	Tạm trú Kp4	0	2	2				
12	Nguyễn Thị Tư (Chưa hoàn thiện, dự kiến 15/8/2021)	An Phú	Cư ngụ Kp 4	18	36	54	226	6	38	<i>Phương án 2: Mượn phòng của trường Tiểu học An Bình phường An Phú</i>
		An Phú	Tạm trú Kp 5	0	71	71				
		Thảo Điền	Cư ngụ Kp1+2+3	58	27	85				
		Thảo Điền	Tạm trú KP6	0	16	16				
13	Hiệp Phú	Hiệp Phú	Khu phố 3+4 +5+ 6	235	70	305	375	8	47	
		Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 4 + tạm trú Kp 2	30	40	70				
14	Đinh Tiên Hoàng	Hiệp Phú	Khu phố 1, 2	145	70	215	363	9	40	<i>Có tổ chức lớp tích hợp</i>
		Tăng Nhơn Phú B	Thường trú Khu phố 5	80	68	148				

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	Long Thạnh Mỹ	Long Thạnh Mỹ	Thường trú: Khu phố I + Gò Công	160		160	250	7	36	
			Thường trú Kp Long Hòa	90		90				
16	Nguyễn Minh Quang	Long Thạnh Mỹ	Khu phố Giản Dân, Mỹ Thành, Chân Phúc Cẩm	85	130	215	335	8	42	Có tổ chức lớp tích hợp
		Long Bình	Khu phố Giản Dân	20	15	35				
		Tân Phú	Thường trú Khu phố 5 và 6	85		85				
17	Long Phước	Long Phước	Cả phường	190	60	250	250	6	42	
18	Long Bình	Long Bình	KP Phước Thiện, Long Bửu và Bến Đò	150	80	230	470	10	47	
		Long Thạnh Mỹ	Tạm trú KP Long Hòa + Kp I+ Gò Công		240	240				
19	Tạ Uyên	Long Bình	Khu phố Cầu Ông Tán; Thái Bình 1, Thái Bình 2, Long Sơn, Vĩnh Thuận	125	95	220	220	6	37	
20	Phước Thạnh	Long Trường	Khu phố Phước Lai, Tam Đa, Trường Lưu và Ông Nhiều	220	150	370	425	9	47	
		Trường Thạnh	Khu phố Phước Lai	25	30	55				
21	Phú Hữu	Phú Hữu	Cả phường	150	160	310	310	7	44	
22	Bùi Văn Mới	Phước Long A	Khu phố 3 + 4 + 5	120	100	220	220	6	37	
23	Phạm Văn Chính	Phước Long A	Khu phố 1 + 2 + 6	115	55	170	323	8	40	Có tổ chức lớp tích hợp
		Phước Long B	Khu phố 1	55	38	93				
		Tăng Nhơn Phú B	Tạm trú Khu phố 1+3		60	60				
24	Võ Văn Hát	Phước Long B	Khu phố: 2, 3, 4	175	195	370	370	8	46	Có tổ chức lớp tích hợp
25	Nguyễn Văn Bá	Phước Long B	Khu phố 5	170	120	290	290	8	36	
26	Trần Thị Bưởi	Phước Long B	Khu phố 6	190	90	280	280	8	35	
27	Phước Bình	Phước Bình	Cả phường	225	160	385	385	8	48	
28	Trương Văn Thành	Tăng Nhơn Phú A	Khu phố: 3 ,4 ,7 và tạm trú kp 1,2,5,6	190	175	365	365	8	46	

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ			Số lớp	SS HS/ lớp		
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	Lê Văn Việt	Tăng Nhơn Phú A	Thường trú khu phố: 1, 2, 5 và 6	210		210	210	6	35	Có tổ chức tích hợp
30	Phong Phú	Tăng Nhơn Phú B	Thường trú khu phố: 1+2+3	240		240	240	6	40	
31	Trường Thạnh	Trường Thạnh	Cả phường trừ Khu phố Phước Lai	150	230	380	515	11	47	
		Long Trường	Khu phố Phước Hiệp	70	65	135				
32	Tân Phú	Tân Phú	Cả phường trừ thường trú Kp 5 và Kp 6	150	325	475	475	10	48	
33	Hoàng Diệu	Linh Trung	- KP1 (trừ tổ 5, 6, 11, 12 /KP1), KP3 (trừ tổ 16, 17, 18 /KP3)	142	178	320	320	7	46	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
34	Đỗ Tấn Phong	Linh Trung	- KP5, KP6 ; tổ 5, 6, 11, 12/ KP1; tổ 16, 17, 18/ KP3	124	201	325	325	7	46	
35	Nguyễn Văn Triết	Linh Trung	- KP2, KP4	80	153	233	390	9	43	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Linh Tây	- Tổ 1, 2, 3, 4, 5 , 6, 7, 8 /KP1	49	45	94				
		Linh Chiểu	- Tổ 1, 2, 3, 4, 10/KP1; tổ 38, 38A, 38B/KP3 và tổ 47A/KP4	25	38	63				
36	Bình Triệu	Hiệp Bình Chánh	- KP1, KP2, KP3, KP4, KP6 , tổ 44, 44A, 45, 45A, 46 /KP7	320	280	600	600	13	46	
37	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Chánh	- KP5, KP9; và tổ 49, 49A, 50, 51, 52,52A, 52B, 52C, 52D /KP8	118	152	270	270	6	45	
38	Hiệp Bình Phước	Hiệp Bình Phước	Tổ 6, 7, 8 /KP3; tổ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13 /KP4, tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 18, 19, 20/KP 5.	95	135	230	230	5	46	

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	Đặng Thị Rành	Hiệp Bình Phước	- KP1; KP2; tổ1, 2, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16/K3; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 12/KP4	165	165	330	330	7	47	
40	Đào Sơn Tây	Hiệp Bình Phước	- Tổ 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 21/KP5 và KP6	135	240	375	650	14	46	
		Hiệp Bình Chánh	- Tổ 47, 48, 48A, 48B, 48C/KP7 và tổ, 53, 53A, 53B, 54, 54A/ KP8.	115	160	275				
41	Đặng Văn Bất	Linh Đông	- KP1, KP2; tổ 1, tổ 7/KP7 và KP8	157	138	295	345	8	43	
		Tam Phú	- Tổ 2, 3, 5, 6 /KP2	30	20	50				
42	Bình Quới	Linh Đông	- KP4, KP 7 (trừ tổ 1 và tổ 7/KP7)	125	95	220	220	5	44	
43	Linh Đông	Linh Đông	- KP3, KP5, KP6	65	65	130	130	3	43	
44	Trương Văn Hải	Tam Phú	- KP3, KP4	119	70	189	290	6	48	
		Tam Bình	- KP1	61	40	101				
45	Thái Văn Lung	Tam Phú	- KP 1, tổ 1, 4, 7, 8, 9/KP2 và KP5	175	105	280	280	6	47	
46	Xuân Hiệp	Linh Xuân	- Tổ 1, 2, 7, 8/KP1; KP2, KP4, KP5	195	265	460	460	10	46	
47	Nguyễn Văn Nở	Linh Xuân	- Tổ 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19/KP 1 và tổ 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18/KP 3.	170	215	385	385	8	48	
48	Nguyễn Văn Lịch	Linh Xuân	- Tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11/KP3 và tổ 3, 4 /KP1.	60	180	240	240	5	48	
		Bình Thọ	- KP1, KP2, KP3, KP4	141	120	261				

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022					Ghi chú	
				Số trẻ			Số lớp	SS HS/ lớp		
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
49	Lương Thế Vinh	Trường Thọ	- Tổ 6, 7, 8 /KP2; tổ 1, 2, 3 /KP3; KP4; tổ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 /KP5; tổ 10, 11, 12, 13/KP6	122	107	229	490	11	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
50	Tư Đức	Bình Thọ	- KP1, KP2, KP3, KP4	75	65	140	225	5	45	
		Linh Chiểu	- Từ tổ 39 đến tổ 48 /KP4 và từ tổ 49 đến tổ 59/KP5	40	45	85				
51	Bình Chiểu	Bình Chiểu	- KP 1 ; tổ 11, 11A/KP2; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 7A, 8, 9/KP3	160	410	570	570	12	48	
52	Trần Văn Vân	Bình Chiểu	-Tổ 10/KP 3; KP4, KP5, KP6	114	336	450	450	10	45	
53	Nguyễn Văn Tây	Bình Chiểu	- KP2 (trừ tổ 11, 11A)	170	440	610	610	14	44	
54	Nguyễn Trung Trực	Linh Chiểu	- Tổ 5, 6, 7, 8, 9/KP1; từ tổ 11 đến tổ 31 /KP2; từ tổ 32 đến tổ 37A/KP3	70	60	130	280	6	47	
		Trường Thọ	- KP 1; tổ 1, 2, 3, 4, 5 /KP2 và tổ 4, 5, 6, 7, 8 /KP3	70	41	111				
		Linh Tây	từ tổ 36 đến tổ 40/KP3 và tổ 41, 42, 43 và tổ 57/KP 4	21	18	39				
55	Nguyễn Văn Banh	Trường Thọ	- Tổ 9, 10 /KP2; tổ 1, 2, 3, 19 /KP5; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16/KP6 và KP7, KP8, KP9	163	122	285	285	6	48	
56	Tam Bình	Tam Bình	- KP2 và KP3, KP4, KP5	185	210	395	395	9	44	

TT	Tên trường Tiểu học	Phân tuyến địa bàn tuyển sinh		Phân tuyến Lớp 1 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số trẻ				Số lớp	SS HS/ lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
57	Linh Tây	Linh Tây	- Tổ 9, 10, 11/KP1; từ tổ 12 đến tổ 28/ KP2; từ tổ 29 đến tổ 35/ KP3; từ tổ 44 đến tổ 56 và tổ 58/KP4; từ tổ 59 đến tổ 67/KP5	130	55	185	185	4	46	
58	Linh Chiêu	Linh Chiêu	- Học sinh diện thường trú thuộc phường Linh Chiêu.	150	0	150	150	5	30	Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế
59	Tổng cộng			9779	9014	18793	18793	426	44	
	Ngô Thời Nhiệm (NCL)	Phước Long A				90	90	3	30	
	Khai Nguyên (NCL)	Hiệp Phú				105	105	3	35	
60	Emasi Vạn Phúc (NCL)	Hiệp Bình Phước				125	125	5	25	
	Tổng cộng			9779	9014	19113	19113	437	44	



BẢNG PHÂN TUYỂN HỌC SINH LỚP 6

(kèm theo Quyết định số 2053 /QĐ-UBND, ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Thủ Đức)

Năm học 2021 - 2022

Trường Trung học cơ sở	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyển Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh				Số lớp	SS HS /lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần Quốc Toàn 1							8	30	Không phân tuyển
2	An Phú	An Phú	Cư ngụ KP4	19	32	51	273	7	39	
		An Phú	Thường trú KP5	91		91				
		Thảo điền	Thường trú KP 1,2,3,4,5,6	83		83				
		Lớp tích hợp trường TiH Nguyễn Hiền		48		48				
3	Bình An	Thủ Thiêm		3		3	233	6	39	
		An Lợi Đông		3		3				
		Thảo điền	Tạm trú KP 1,2,3,4,5,6		42	42				
		An Khánh	Cư ngụ KP 1,2,3,4,5	101	84	185				
4	Cát Lái	Cát Lái	Tạm trú KP1,2		36	36	174	5	35	
		Cát Lái	Cư ngụ KP3	36	53	89				
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP3	32	17	49				
5	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Cư ngụ KP1,2,3,4,5	195		195	195	5	39	
		An Khánh	Cư ngụ KP6,7	23	19	42				
		Bình Trưng Tây	Tạm trú KP1,2,3,4		33	33				

Trường Trung học cơ sở	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyến Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh			Số lớp	SS HS /lớp		
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Lương Định Của	An Phú	Cư ngụ KP1,2,3	78	69	147	309	8	39	
		An Phú	Tạm trú KP5		23	23				
		Thạnh Mỹ Lợi	Thường trú KP1	35		35				
		Lớp tích hợp trường TiH Giồng Ông Tố		29		29				
7	Nguyễn Thị Định	Thạnh Mỹ Lợi	Tạm trú KP1		43	43	200	5	40	
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP2	94	44	138				
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ KP4	12	7	19				
8	Nguyễn Văn Trỗi	Bình Trưng Đông	Cư ngụ KP1,2,3	132	42	174	290	7	41	
		Bình Trưng Đông	Thường trú KP4,5	116		116				
9	Thạnh Mỹ Lợi	Cát Lái	Thường trú KP1,2	97		97	251	6	42	
		Bình Trưng Đông	Tạm trú KP4,5		43	43				
		Bình Trưng Tây	Tạm trú KP5		25	25				
		Bình Trưng Tây	Cư ngụ KP6	64	22	86				
10	Hiệp Phú	Hiệp Phú	Cả phường (trừ thường trú khu phố 1)	162	91	253	406	10	41	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Tăng Nhơn Phú A	Tạm trú cả phường		106	106				
		Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 4	22	25	47				
11	Hưng Bình	Long Thạnh Mỹ	Cả phường trừ khu phố Giãn Dân	223	113	336	401	9	45	
	Long Bình	Khu phố Phước Thiện	41	24	65					
12	Long Phước	Long Phước	Cả phường	124	48	172	172	4	43	
13	Long Bình	Long Bình	Cả phường (trừ khu phố Phước Thiện)	194	88	282	282	7	40	
14	Long Trường	Long Trường	Cả phường (trừ Khu phố Phước Hiệp)	116	99	215	245	6	41	
		Trường Thạnh	Khu phố Phước Lai	13	17	30				

Trường Trung học cơ sở	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyến Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh				Số lớp	SS HS /lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	Phú Hữu	Phú Hữu	Cả phường	92	45	137	137	4	34	
16	Đặng Tấn Tài	Phước Long A	Cả phường	121	152	273	429	10	43	
		Phước Long B	Khu phố 2+3 và Tạm trú khu phố 1+5	57	99	156				
17	Phước Bình	Phước Bình	Cả phường	178	99	277	422	10	42	Có tổ chức lớp tích hợp
		Phước Long B	Thường trú Khu phố 5 và cả khu phố 6	119	26	145				
18	Trần Quốc Toàn	Tăng Nhơn Phú A	Thường trú cả phường	450		450	450	10	45	Có tổ chức lớp tích hợp
19	Tăng Nhơn Phú B	Tăng Nhơn Phú B	Cả Kp 1+3 và tạm trú kp 2+5	130	87	217	332	10	33	
		Phước Long B	Cả Khu phố 4	80	35	115				
20	Hoa Lư	Tăng Nhơn Phú B	Thường trú Khu phố 2 và 5	210		210	450	10	45	Có tổ chức lớp tích hợp
		Hiệp Phú	Thường trú khu phố 1	160		160				
		Phước Long B	Thường trú khu phố 1	80		80				
21	Trường Thạnh	Trường Thạnh	Cả phường trừ Khu phố Phước Lai	104	118	222	307	7	44	
		Long Trường	Cả Khu phố Phước Hiệp	46	39	85				
22	Tân Phú	Tân Phú	Cả phường	198	192	390	423	10	42	
		Long Thạnh Mỹ	Khu phố Giãn Dân	21	12	33				
23	Bình Chiểu	Bình Chiểu	Khu phố 1, 2	186	354	540	540	12	45	
24	Dương Văn Thì	Bình Chiểu	Khu phố 3, 4, 5, 6	155	270	425	425	9	47	
25	Tam Bình	Tam Bình	Khu phố 2, 3, 4, 5	185	235	420	420	9	47	
26	Thái Văn Lung	Tam Phú	Cả phường	262	156	418	510	11	46	
		Tam Bình	Khu phố 1	52	40	92				
27	Bình Thọ	Bình Thọ	Thường trú cả Phường	220		220	220	5	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp

Trường Trung học cơ sở	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn		Phân tuyến Lớp 6 NH 2021-2022						Ghi chú
				Số học sinh				Số lớp	SS HS /lớp	
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng				
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10
28	Lê Văn Việt	Bình Thọ	Tạm trú cả phường		120	120	120	3	40	
29	Linh Trung	Linh Trung	Khu phố 1, 2, 4, 5, 6	170	190	360	360	8	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
30	Lê Quý Đôn	Linh Chiêu	Cả phường	230	190	420	615	13	47	
		Linh Trung	Khu phố 3	110	85	195				
31	Xuân Trường	Linh Xuân	Khu phố 2, 3	132	178	310	310	7	44	
32	Nguyễn Văn Bá	Linh Xuân	Khu phố 1, 4, 5	182	278	460	460	10	46	
33	Trương Văn Ngự	Linh Chiêu	Cả phường	162	88	250	250	6	42	
34	Linh Đông	Linh Đông	Cả Phường	244	101	345	345	8	43	
35	Ngô Chí Quốc	Hiệp Bình Chánh	Cả Phường	395	260	655	655	14	47	
36	Hiệp Bình	Hiệp Bình Phước	Cả Phường	242	238	480	480	10	48	
37	Trường Thọ	Trường Thọ	Cả Phường	280	140	420	420	9	47	
	Cộng:			7439	5072	12511	12511	298	42	
38	Ngô Thời Nhiệm	Phước Long A				200	200	6	33	
39	Hoa Sen	Hiệp Phú				40	40	1	40	
40	Hồng Đức	Phước Long A				30	30	1	30	
	Cộng:			0	0	270	270	8	34	
	Tổng cộng:			7439	5072	12781	12781	306	42	